**Bảng số 01**

**TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chuẩn đánh giá** | **Điểm**  **tối đa** | **Thang điểm chi tiết(1)** | **Điểm yêu cầu tối thiểu** | **Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu** | **Tài liệu cần nộp** |
| **I. Năng lực tài chính, khả năng thu xếp vốn** | | | | | | |
| 1.1 | Vốn chủ sở hữu(2) |  |  |  | Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp(2): \_\_\_\_\_ *[ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 1.3 BDL*:  *a)*  *Đối với dự án quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 23/2024/NĐ-CP và có sử dụng đất, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên.*  *b) Đối với dự án khác không thuộc điểm a Mục này, vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực không quy định thì vốn chủ sở hữu tối thiểu không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư].* | Mẫu số 06 |
| 1.2 | Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động (3) |  |  |  | Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng huy động tối thiểu là:\_\_\_ *[ghi giá trị theo quy định tại Mục 1.3* ***BDL****]* | Mẫu số 06 và Mẫu số 07 |
| 1.3 | Các chỉ tiêu tài chính khác (nếu có) |  |  |  |  |  |
| **II. Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự*(4)*** | | | | | | |
| 2.1 | Kinh nghiệm đầu tư, xây dựng công trình, dự án tương tự (đối với dự án có cấu phần xây dựng) |  |  |  | Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu: \_\_\_\_\_ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau(5):  a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn(6) trong vòng\_\_\_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  - Có tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư tối thiểu là (7)\_\_\_\_\_ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng vốn đầu tư của dự án đang xét];*  - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là\_\_\_\_\_ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét].*  b) Loại 2: Dự án, gói thầu trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn(6) trong vòng \_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét\_\_\_\_\_\_ *[quy định cụ thể phạm vi công việc tương tự]* (8)*;*  - Có giá trị tối thiểu là \_\_\_\_ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị phần công việc chính của dự án đang xét].*  c) Loại 3: Dự án, gói thầu trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà đối tác đã tham gia với vai trò là nhà thầu xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn(6) trong vòng\_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét\_\_\_\_\_\_ *[quy định cụ thể phạm vi công việc tương tự]* (8);  - Có giá trị tối thiểu là \_\_\_\_ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị phần công việc chính của dự án đang xét].* | Mẫu số 08 |
| 2.2 | Kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự (đối với dự án không có cấu phần xây dựng) |  |  |  | Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu: \_\_\_\_\_ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau (5):  a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn(6) trong vòng \_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 05 – 07 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  - Có tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư tối thiểu là (7)\_\_\_\_\_ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng vốn đầu tư của dự án đang xét];*  - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là\_\_\_\_\_ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét].*  b) Loại 2: Dự án, gói thầu trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu cung cấp hệ thống đặt cược (đối với dự án kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế; dự án đầu tư trường đua ngựa, đua chó, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó) hoặc cung cấp giải pháp (đối với dự án nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội điạ), đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn(6) trong vòng \_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét\_\_\_\_\_\_ *[quy định cụ thể phạm vi công việc tương tự]* (9)*;*  - Có giá trị tối thiểu là \_\_\_\_*[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị phần công việc chính của dự án đang xét].*  c) Loại 3: Dự án, gói thầu trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà đối tác đã tham gia với vai trò là nhà thầu cung cấp hệ thống đặt cược (đối với dự án kinh doanh đặt cược bóng đá quốc tế; dự án đầu tư trường đua ngựa, đua chó, trong đó có hoạt động kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó) hoặc cung cấp giải pháp (đối với dự án nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội điạ), đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn(6) trong vòng\_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  - Có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét\_\_\_\_\_\_ *[quy định cụ thể phạm vi công việc tương tự]* (9)*;*  - Có giá trị tối thiểu là \_\_\_\_*[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị phần công việc chính của dự án đang xét].* | Mẫu số 08 |
| 2.3 | Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, dự án tương tự |  |  |  | Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, dự án tương tự được xác định căn cứ một trong hai tiêu chuẩn sau:  2.3.1. Số lượng dự án (trong đó gồm nội dung công việc vận hành, kinh doanh công trình, dự án) mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu: \_\_\_\_\_ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]* để đạt yêu cầu tối thiểu. Cách xác định dự án như sau(5):  a) Loại 1: Dự án trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn(6) trong vòng \_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  - Có quy mô, công suất vận hành tối thiểu là \_\_\_\_\_ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% quy mô, công suất vận hành của dự án đang xét];*  - Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là\_\_\_\_\_ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50% - 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét].*  b) Loại 2: Dự án, gói thầu, hợp đồng trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu vận hành, kinh doanh công trình, dự án, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn(6) trong vòng\_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* có quy mô, công suất vận hành tối thiểu là \_\_\_\_\_ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% quy mô, công suất vận hành của dự án đang xét]*.  c) Loại 3 (chỉ áp dụng đối với dự án có cấu phần xây dựng): Dự án, gói thầu, hợp đồng trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà đối tác tham gia là nhà thầu vận hành, kinh doanh,đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn(6) trong vòng\_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu]* có quy mô, công suất vận hành tối thiểu là \_\_\_\_\_ *[ghi giá trị, thông thường trong khoảng 50%-70% quy mô, công suất vận hành của dự án đang xét].*  2.3.2. Số lượng hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã cung cấp\_\_\_\_\_ *[ghi số lượng, chủng loại, đơn vị tính cụ thể]* để đạt yêu cầu tối thiểu trong vòng\_\_\_năm trở lại đây *[ghi số năm, thông thường trong khoảng từ 03 – 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu].* Cách xác định số lượng, chủng loại hàng hóa, dịch vụ như sau:  a) Loại 1: Hàng hóa, dịch vụ mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư cung cấp trực tiếp.  b) Loại 2: Hàng hóa, dịch vụ mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu cung cấp trực tiếp.  c) Loại 3: Hàng hóa, dịch vụ mà đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà thầu cung cấp trực tiếp. | Mẫu số 08 |
| 2.4 | Yêu cầu về kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt, trang thiết bị chuyên dùng (nếu có) (10) |  |  |  |  | Mẫu số 11 |
| 2.5 | Yêu cầu về kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với dự án đã và đang thực hiện (11) |  |  |  |  | Mẫu số 12 |
| 2.6 | Đánh giá của cơ quan có thẩm quyền về quá trình hoạt động của nhà đầu tư tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển khai dự án (nếu có) (12) |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

(1) Bên mời thầu, tổ chuyên gia quy định chi tiết thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí.

*[Ví dụ: Đối với tiêu chí “Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư”, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể quy định thang điểm chi tiết như sau:*

*- Nhà đầu tư đã thực hiện 1 dự án: 50% điểm tối đa;*

*- Nhà đầu tư đã thực hiện 2 dự án: 70% điểm tối đa;*

*- Nhà đầu tư đã thực hiện từ 3 dự án trở lên: 100% điểm tối đa].*

(2) Yêu cầu về vốn chủ sở hữu được xác định trên cơ sở tổng vốn đầu tư (gồm sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, chi phí khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có) và chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có)).

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư trong báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính đã được kiểm toán chứng minh bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo cam kết tại HSDT.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư kê khai danh sách các dự án đang được đầu tư và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm đáp ứng đủ toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm nộp cho cơ quan có thẩm quyền các tài liệu chứng minh năng lực tài chính.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 06 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu và cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu số 07 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.

(3) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu số 07 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm huy động của nhà đầu tư.

(4) Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự:

(i) Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất.

Trường hợp dự án được kê khai để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, trong đó gồm công việc vận hành, kinh doanh công trình, dự án để cung cấp hàng hóa, dịch vụ thì được sử dụng để chứng minh tính đáp ứng đối với tiêu chuẩn này.

(ii) Đối với các dự án có quy mô đầu tư lớn, không có nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, bên mời thầu, tổ chuyên gia căn cứ dữ liệu về các dự án đã thực hiện, khả năng phân kỳ đầu tư của dự án đang xét để xác định yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trong trường hợp này, yêu cầu về kinh nghiệm của nhà đầu tư có thể được chỉnh sửa theo hướng thấp hơn so với hướng dẫn nhưng phải bảo đảm phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu thực hiện dự án.

(iii) Đối với dự án công trình dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP, trường hợp các dự án, công trình có tính đặc thù, khó xác định được thời gian thực hiện dự án hoặc chi phí đầu tư dự án thì kinh nghiệm đầu tư, xây dựng công trình, dự án tương tự (đối với dự án có cấu phần xây dựng) được xác định trên cơ sở: Số lượng dự án, công trình trong lĩnh vực \_\_\_\_\_ *[ghi ngành, lĩnh vực tương tự với dự án đang xét]* mà nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn và có phạm vi công việc tương tự với phần công việc chính của dự án đang xét \_\_\_\_\_ *[quy định cụ thể phạm vi công việc tương tự].*

(iv) Đối với các dự án có yêu cầu ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhà đầu tư được sử dụng dự án, công trình do mình góp vốn chủ sở hữu và trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, dự án tương tự. Dự án tương tự phải có tài liệu chứng minh công nghệ được công nhận theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp này, dự án, công trình tương tự của nhà đầu tư được đánh giá đáp ứng yêu cầu tối thiểu của dự án loại 1.

(v) Đối với dự án tại các điểm (ii), (iii) và (iv) ghi chú này, trong quá trình xem xét, đánh giá, phải bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật để thực hiện dự án. Yêu cầu thực hiện dự án trong HSMT, hợp đồng phải bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm của nhà đầu tư và biện pháp xử lư (xử phạt, đền bù thiệt hại, xử lý trong giai đoạn tiếp theo) trong trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng vốn đầu tư của dự án.

(vi) Đối với dự án loại 2 và loại 3, trường hợp nhà đầu tư, đối tác tham gia với vai trò là nhà thầu liên danh thì chỉ được sử dụng giá trị phần công việc trực tiếp thực hiện trong liên danh để chứng minh dự án, gói thầu, hợp đồng tương tự.

(5) Cách thức quy đổi các dự án hoặc hàng hóa, dịch vụ: \_\_\_\_\_ *[quy định cụ thể cách thức quy đổi các loại dự án hoặc* *hàng hóa, dịch vụ. Ví dụ: 01 dự án hoặc hàng hóa, dịch vụ thuộc loại 2 bằng tối đa 0,7 dự án hoặc hàng hóa, dịch vụ thuộc loại 1; quy định 01 dự án hoặc hàng hóa, dịch vụ thuộc loại 3 bằng tối đa 0,5 dự án hoặc hàng hóa, dịch vụ thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án hoặc hàng hóa, dịch vụ được quy đổi là số lẻ].*

(6) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn:

(i) Kinh nghiệm đầu tư, xây dựng công trình, dự án tương tự đối với dự án có cấu phần xây dựng:

Dự án hoàn thành là dự án có toàn bộ hạng mục công trình được nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Dự án hoàn thành phần lớn là dự án có tối thiểu 80% hạng mục công trình được nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng từng phần theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Gói thầu, hợp đồng hoàn thành là gói thầu, hợp đồng mà trong đó công trình, hạng mục công trình đã được nghiệm thu hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(ii) Kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

Dự án hoàn thành là dự án đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoặc đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

(iii) Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, dự án tương tự:

Dự án, gói thầu, hợp đồng hoàn thành là dự án, gói thầu, hợp đồng đã kết thúc giai đoạn vận hành.

Dự án, gói thầu, hợp đồng hoàn thành phần lớn là dự án, gói thầu, hợp đồng đã tổ chức vận hành, kinh doanh công trình tối thiểu từ 06 tháng.

(7) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

(8) Phạm vi công việc chính của dự án đang xét được xác định căn cứ công trình chính của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Trường hợp dự án có nhiều công trình chính, HSMT liệt kê các công trình của dự án phù hợp với mục tiêu, quy mô đầu tư của dự án.

Trường hợp dự án tương tự có nhiều công trình chính thì nhà đầu tư, đối tác được sử dụng một hoặc các công trình do mình trực tiếp thực hiện để chứng minh kinh nghiệm của mình.

(9) Đối với dự án không có cấu phần xây dựng, phạm vi công việc chính của dự án đang xét được xác định căn cứ công việc, hoạt động quyết định đến mục tiêu, quy mô đầu tư của dự án.

(10) Việc đánh giá về kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt, trang thiết bị chuyên dùng chỉ áp dụng trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu kê khai kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt, trang thiết bị chuyên dùng. Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực không quy định thì bỏ yêu cầu này.

(11) Đánh giá về lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện.

Nhà đầu tư phải kê khai lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện theo Mẫu số 12 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu bên mời thầu, tổ chuyên gia phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và HSĐXKT sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu kiện dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSMT, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

(12) Đánh giá của cơ quan có thẩm quyền về quá trình hoạt động của nhà đầu tư tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển khai dự án (nếu có)

Tiêu chí này được đánh giá thông qua kết quả thực hiện dự án đầu tư đối với trường hợp nhà đầu tư đã và đang thực hiện dự án tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi triển khai dự án. Nhà đầu tư bị trừ điểm nhưng không quá 10% tổng số điểm về năng lực, kinh nghiệm khi có dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

- Bị ngừng toàn bộ hoặc một phần hoạt động do nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Bị chấm dứt hoạt động do nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trên cơ sở giao dịch dân sự giả tạo theo quy định của pháp luật về dân sự;

- Bị chấm dứt hoạt động đầu tư trong trường hợp bị thu hồi đất do không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bị chấm dứt hoạt động đầu tư do nhà đầu tư không ký quỹ hoặc không có bảo lãnh nghĩa vụ ký quỹ theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư thuộc diện bảo đảm thực hiện dự án đầu tư;

- Bị ngừng hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài.

Đối với trường hợp nhà đầu tư chưa có dự án tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung nương nơi triển khai thực hiện dự án, bên mời thầu, tổ chuyên gia không đánh giá nội dung này trong HSĐXKT của nhà đầu tư.